

Bản án số: 91/2024/DS-ST
Ngày 16-12-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Hiền;
- Ông Trần Xuân Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tăng Thị K**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: **A L, khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định**, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông **Trương Thành H**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: **Khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định**, có mặt.

2. Bà **Huỳnh Thị Hoài P**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: **Khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Tăng Thị K** trình bày:

Bà có quen biết vợ chồng ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P**, do ông **H** làm chung với chồng bà là ông **Lê Văn Á**. Xuất phát từ việc vợ chồng ông **H**, bà **P** cần tiền để trả nợ và tổ chức đám cưới cho con nên đến nhà bà vay tiền. Khi vay thì có ông **H**, bà **P** đến nhà gặp bà, có viết giấy vay tiền. Lần 1 là vào ngày 15/7/2024, vay 225.000.000 triệu đồng; lần 02 vào ngày 07/9/2024, vay 8.000.000 triệu đồng. Tổng cộng 02 lần vay là 233.000.000 đồng. Số tiền bà cho vợ chồng ông **H**, bà **P** vay là bà vay với bạn bè một phần, vay của Ngân hàng một phần. Hai bên thoả thuận như sau: Thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày vay lần thứ 02 (tức ngày 17/9/2024), lãi suất 02%/tháng. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ, bà có qua nhà và gọi điện thoại cho vợ chồng ông **H**, bà **P** nhiều lần để hỏi số tiền nợ nhưng họ chỉ hứa hẹn chứ không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông **H**, bà **P** trả cho bà số tiền còn nợ 233.000.000 đồng, trả 01 lần hết nợ, bà tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông **H** phải trả lãi suất chậm trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** trình bày:

Do có quen biết và cần tiền làm ăn nên vợ chồng ông, bà có vay bà **Tăng Thị K** tổng số tiền 233.000.000 đồng. Thời điểm vay khoảng 3 năm trở lại đây, nhưng do gia đình ông, bà thời gian gần đây gặp khó khăn, không có tiền trả cho bà **K** nên vợ chồng có qua nhà bà **K** viết lại giấy vay tiền ngày 15/7/2024 và 07/9/2024, tổng số tiền 233.000.000 đồng. Số tiền này là cả tiền gốc và tiền lãi gộp lại. Giấy vay tiền ngày 07/9/2024 ghi 8.000.000 đồng là tiền lãi mấy tháng trước gộp lại. Khi vay thì hai bên thoả thuận tiền lãi vợ chồng ông, bà trả cho bà **K** 4.000.000 đồng cho tổng số tiền vay và có thể chấp cho bà **K** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng do ông **Trương Văn B** - là cha ruột ông **H** đứng tên sử dụng (cha ông đã mất nên để lại cho vợ chồng ông làm ăn), Vợ chồng ông không trả tiền lãi cho bà **K** 02 tháng gần đây do bà **Huỳnh Thị Hoài P** đau bệnh, gia đình rất khẩn. Nay bà **K** khởi kiện, vợ chồng ông đồng ý trả cho bà **K** số tiền 233.000.000 đồng và xin trả dần, mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi ngày trả 200.000 đồng) cho đến khi trả hết nợ. Trong đó là cả tiền lãi và tiền gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện cũng như các thủ tục tố tụng tiếp theo trong quá trình chuẩn bị xét xử đều được Thẩm phán thực hiện đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** phải trả cho nguyên đơn bà **Tăng Thị K** số tiền còn nợ là 233.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà **Tăng Thị K** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** ở **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** phải trả số tiền 233.000.000 đồng, là khoản tiền vợ chồng ông **H**, bà **P** vay của bà **K** để làm ăn nên Tòa án xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa có căn cứ xác định ngày 15/7/2024 vợ chồng ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** có viết giấy vay bà **Tăng Thị K** số tiền 225.000.000 đồng; ngày 07/9/2024 viết giấy vay số tiền 8.000.000 đồng là khoản tiền lãi mấy tháng trước gộp lại, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, với mục đích để làm ăn. Khi vay, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ lần vay thứ 02 (tức ngày 17/9/2024 trả nợ). Nhưng sau đó, vợ chồng ông **H** và bà **P** chỉ hứa hẹn mà không trả. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết nên nguyên đơn **Tăng Thị K** đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** phải trả số tiền còn nợ là 233.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Đối với lời nại của bị đơn ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** thừa nhận có vay bà **Tăng Thị K** tổng số tiền 233.000.000 đồng để làm ăn. Chấp nhận trả số tiền còn nợ nêu trên, tuy nhiên do vợ chồng ông, bà đang gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ nên sẽ trả cho bà **K** một tháng 6.000.000 đồng (mỗi ngày trả 200.000 đồng) cho đến khi trả hết nợ (trong đó có cả tiền gốc và tiền lãi) là không có thiện chí trả nợ, nhằm chiếm dụng lâu dài khoản tiền trên của nguyên đơn nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Tăng Thị K**, buộc bị đơn **Trương Thành H** và **Huỳnh Thị Hoài P** phải trả cho bà **Tăng Thị K** số tiền 233.000.000 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông **Trương Thành H** và bà **Huỳnh Thị Hoài P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Tăng Thị K.**

Buộc bị đơn **Trương Thành H** và **Huỳnh Thị Hoài P** phải trả cho nguyên đơn **Tăng Thị K** số tiền 233.000.000 (hai trăm ba mươi ba triệu) đồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn **Trương Thành H** và **Huỳnh Thị Hoài P** phải chịu 11.650.000 (mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Hoài Ân + Tỉnh;
- Các bên đương sự;
- CC THADS huyện Hoài Ân;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

